

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - ĐẮK LẮK**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 06/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 28/01/2026

V/v: Kiện ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Ngọc Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trịnh Thị Oanh.

Bà Nguyễn Thị Lan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Hòa Bình – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Phạm Trần Duy Quyền – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 01 năm 2026, tại phòng xử án, Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 245/2025/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2025 về việc “*Kiện ly hôn*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1992. Nơi thường trú: Thôn 4B, xã E, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn: Chị Trần Thị B, sinh năm 1989. Nơi thường trú: 7322 Frorin Woods Apt # 404 Sacramento, CA 95823, Hoa Kỳ. Chỗ ở hiện nay: 7881 Dersingham Dr., Sacramento, CA 95823, Hoa Kỳ.

Đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Ngọc T trình bày:* Tôi và cô Trần Thị B đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào năm 2023 tại Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Sau khi đăng ký kết hôn vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, nguyên nhân là do cô B đi làm ăn xa nên vợ chồng không có tiếng nói chung. Nay tôi nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với cô Trần Thị B.

- Về con chung: Chúng tôi không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tài sản chung và công nợ chung: Chúng tôi không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Trần Thị B có đơn trình bày: Tôi và anh Nguyễn Ngọc T đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào năm 2023 tại Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk, theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 11 ngày 05/7/2023. Sau khi kết hôn thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do không có tiếng nói chung, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Nay anh T có đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn thì tôi đồng ý ly hôn với anh T.*

Về con chung: Chúng tôi không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chúng tôi không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện do tôi đang cư trú và làm việc tại Hoa Kỳ nên không thể sắp xếp thời gian tham gia tố tụng tại Tòa án. Do đó, đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đắk Lắk giải quyết vắng mặt tôi trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

** Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Đắk Lắk:*

- *Về tố tụng:* Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án; xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự; việc thu thập chứng cứ, trình tự giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình thụ lý, giải quyết, xét xử vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

- *Về nội dung:* Áp dụng Điều 28, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 207, Điều 227, Điều 266, Điều 271, Điều 273, khoản 1 Điều 469, khoản 1 khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 5 Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân. Đề nghị HĐXX: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Ngọc T. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Ngọc T được ly hôn với chị Trần Thị B; Về con chung; Về tài sản chung, nợ chung: Anh Nguyễn Ngọc T và chị Trần Thị B không có con chung; tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Ngọc T đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với chị Trần Thị B là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đắk Lắk theo quy định tại Điều 28, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Xét thấy, nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin giải quyết vắng mặt. Vì vậy, HĐXX xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Ngọc T và chị Trần Thị B đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 11 ngày 05/7/2023. Đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật.

Qua lời trình bày của anh Nguyễn Ngọc T thì nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là do chị Trần Thị B đi làm ăn xa nên vợ chồng không có tiếng nói chung. Nay anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị B. Chị Trần Thị B thừa nhận nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là do không có tiếng nói chung, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Nay anh T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì chị B đồng ý ly hôn.

HĐXX xét thấy, quá trình chung sống anh T và chị B không có tiếng nói chung, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, cho thấy hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Ngọc T, cho anh Nguyễn Ngọc T được ly hôn với chị Trần Thị B.

[3] Về con chung: Anh Nguyễn Ngọc T và chị Trần Thị B không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung; nợ chung: Anh Nguyễn Ngọc T và chị Trần Thị B không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên nguyên đơn anh Nguyễn Ngọc Thiện phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 207; Điều 227; Điều 266; Điều 271; Điều 273; khoản 1 Điều 469; khoản 1, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Điều 5 Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Ngọc Thiện.

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Ngọc T được ly hôn với chị Trần Thị B.

- Về con chung: Anh Nguyễn Ngọc T và chị Trần Thị B không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung; nợ chung: Anh Nguyễn Ngọc T và chị Trần Thị B không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Ngọc T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0003455 ngày 28/10/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 4 – Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng THADS khu vực 4 – Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lưu Thị Ngọc Thủy